TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 6 - 2022
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Thành và Ông Trần Mai Khanh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lương Văn Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa***:

Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 21/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 99/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị L, sinh năm 1989; địa chỉ: thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn 7, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An; hiện đang ở Nhật Bản; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/8/2021 và bản tự khai đề ngày 01/3/2022, nguyên đơn chị Hà Thị L trình bày:

Chị Hà Thị L và anh Nguyễn Văn Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An vào ngày 03/02/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với bố mẹ chồng tại thôn 7, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An. Vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian, đến năm 2015 anh Nguyễn Văn Q đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, từ khi đi xuất khẩu lao động đến nay anh Q không liên lạc về với chị L và không quan tâm đến vợ

con, chỉ thỉnh thoảng liên lạc về để gặp con và cũng không chu cấp về mặt kinh tế cho con.

Nay chị L thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị L làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 30/11/2014. Hiện tại, cháu H đang ở với chị L. Nếu ly hôn, chị L đề nghị Tòa án giao cháu H cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hà Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Q, do vợ chồng không liên lạc gì với nhau nên chị Hà Thị L không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Q ở Nhật Bản. Theo chị L trình bày anh Q vẫn thường xuyên liên lạc về với bố đẻ là ông Nguyễn Văn S; địa chỉ cư trú: thôn Đào Lâm, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An và ông S biết địa chỉ cụ thể của anh Q ở Nhật Bản; đề nghị Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã gửi văn bản cho ông Nguyễn Văn S (là bố đẻ của anh Nguyễn Văn Q) thông báo về việc Tòa án đang thụ lý, giải quyết vụ án để ông S thông báo cho anh Q và đề nghị anh Q nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị L. Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng bao gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, Giấy triệu tập phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa tại nơi cư trú của anh Q trước khi đi nước ngoài. Tuy nhiên, anh Q không có ý kiến gì và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho chị Hà Thị L và anh Nguyễn Văn Q được ly hôn. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc H cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét do nguyên đơn không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình có

đương sự hiện đang ở Nhật Bản. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 40 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về thủ tục tố tụng: anh Nguyễn Văn Q hiện đang ở Nhật Bản, không có địa chỉ cụ thể. Ông Nguyễn Văn S (là bố đẻ của anh Q) đã thông báo cho con trai về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng liên quan theo quy định pháp luật đồng thời yêu cầu ông S cung cấp địa chỉ cụ thể của anh Q ở Nhật Bản nhưng ông S không cung cấp được. Tính đến ngày mở phiên tòa xét xử lần thứ hai, Tòa án không nhận được bất cứ văn bản nào của anh Q trình bày về yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị L nên được coi như trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết và vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Hà Thị L vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn Q vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa vắng mặt các đương sự.

[2] Xét nội dung vụ án và các ý kiến, yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị L và anh Nguyễn Văn Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện; có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống chung hạnh phúc một thời gian thì đã phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do tính tình không hợp, anh Q đang sinh sống làm việc ở tại Nhật Bản, chị L ở Việt Nam, hai bên không còn liên lạc, quan tâm nhau, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Chị L có nguyện vọng được ly hôn với anh Q. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh Q không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Vì vậy, nếu kéo dài cuộc hôn nhân này thì mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị L được ly hôn với anh Q là phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 30/11/2014; hiện nay, cháu H đang ở với chị L và chị L đề nghị Tòa án giao cháu H cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sau ly hôn. Cháu Nguyễn Thị Ngọc H cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy, anh Q hiện đang ở nước ngoài và chưa có ý kiến gì về việc nuôi con nên cần giao cháu H cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nguyện vọng của cháu. Về cấp dưỡng nuôi

con, chị L chưa yêu cầu và anh Q cũng chưa có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hà Thị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các bên có quyền khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị Hà Thị L phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 40, khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 469 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

- Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 30/11/2014 cho chị Hà Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Hà Thị L chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các bên có quyền khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung bằng một vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

2. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân

sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc chị Hà Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng đã nộp tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0011649 ngày 24 tháng 01 năm 2022.

3. Chị Hà Thị L có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án; anh Nguyễn Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ, huyện A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mỹ Hải